

VI PHẠM HỢP ĐỒNG KHI CHƯA ĐẾN THỜI HẠN THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THEO CÔNG ƯỚC VIÊN 1980 VỀ HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT CHO VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ QUỲNH YẾN^(*)

Tóm tắt: Theo lý thuyết truyền thống, sự vi phạm hợp đồng xảy ra khi hết thời hạn được thoả thuận, một bên không thực hiện nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, trong thực tiễn hoạt động kinh doanh thương mại, có những trường hợp dù chưa đến thời hạn thực hiện hợp đồng, một bên có căn cứ và cơ sở để cho rằng bên kia sẽ không thực hiện nghĩa vụ. Theo pháp luật của một số nước và một số văn bản luật quốc tế, trường hợp này được gọi là Vi phạm hợp đồng khi chưa đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ hay Vi phạm hợp đồng trước thời hạn (Anticipatory Breach), cho phép bên có nguy cơ bị vi phạm có thể áp dụng những biện pháp chế tài tương tự như những chế tài áp dụng đối với vi phạm hợp đồng thực tế. Bài viết sẽ phân tích quy định về Vi phạm trước thời hạn theo Công Ước Viên 1980 về Hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế và đưa ra một số đề xuất đối với Việt Nam. Bài viết cũng đặt ra vấn đề, Việt Nam có nên hay không nên công nhận và điều chỉnh bổ sung khái niệm này vào pháp luật hợp đồng?

Từ khóa: Vi phạm hợp đồng; vi phạm hợp đồng trước thời hạn; Công Ước Viên 1980.

Abstract: Theoretically, breach of contract occurs if a party fails to perform within the time frame specified in the contract. In fact, breach can occur before the end of the contract, when a party has evidence that the other party will not perform the agreement. International laws coined the term anticipatory breach to this type of breach. In case of anticipatory breach, the damaged party has the same right as in ordinary breach. This article discussed the CISG's regulations of anticipatory breach and suggestions to Vietnam in adopting this concept into contract law.

Keywords: Breach of contract; anticipatory breach; United Nations Convention on contracts for the international sale of goods (Vienna, 1980).

Ngày nhận bài: 10/12/2018; Ngày sửa bài: 10/01/2019; Ngày duyệt đăng bài: 27/02/2019.

1. Đặt vấn đề

Vi phạm hợp đồng là điều khó tránh khỏi trong thực tiễn kinh doanh thương mại phức tạp và nhiều rủi ro. Theo lý thuyết chung, vi phạm hợp đồng xảy ra khi hết thời hạn thoả thuận, một trong hai bên không thực hiện, hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ của mình theo hợp đồng. Tuy nhiên, do thực tiễn kinh doanh luôn vận động và phát

triển không ngừng, hình thức cũng như tính chất của vi phạm hợp đồng cũng ngày càng đa dạng và vượt ra khỏi giới hạn của lý thuyết vi phạm hợp đồng truyền thống. Và một hình thức vi phạm khác phát sinh, đã được công nhận và điều chỉnh bởi nhiều hệ thống pháp luật trên thế giới và cả trong những điều ước quốc tế, ví dụ như

^(*) Giảng viên, Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội.

Công Ước Viên 1980 về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế (CISG), đó là “Vi phạm hợp đồng khi chưa đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ”, hay gọi tắt bằng thuật ngữ “Vi phạm hợp đồng trước thời hạn”. Loại vi phạm này đến nay vẫn chưa được đề cập nhiều trong khoa học pháp lý Việt Nam và do đó còn thiếu các quy định pháp luật tương ứng; tuy nhiên, sau khi Việt Nam trở thành thành viên của CISG và CISG bắt đầu có hiệu lực ở Việt Nam vào tháng 1 năm 2017, học thuyết Vi phạm trước thời hạn có nhiều khả năng áp dụng tại Việt Nam nếu các doanh nghiệp Việt Nam giao kết hợp đồng với một quốc gia thành viên Công Ước hoặc cả hai bên thống nhất lựa chọn luật áp dụng cho hợp đồng là CISG. Việc hiểu biết và nắm rõ loại vi phạm này đối với các doanh nghiệp Việt Nam là điều cần thiết, bởi tư duy của họ sẽ không tránh khỏi việc bị bó buộc trong lý thuyết vi phạm hợp đồng truyền thống. Do đó, trong thời gian gần đây, việc nghiên cứu những vấn đề pháp lý liên quan đến Vi phạm trước thời hạn ở Việt Nam đã bắt đầu được khởi xướng không chỉ nhằm tổng kết lý luận mà còn giúp thúc đẩy các doanh nghiệp Việt Nam chủ động hơn trong việc giao kết và thực hiện hợp đồng với các đối tác nước ngoài⁽¹⁾. Bài viết sẽ phân tích quy định Vi phạm trước thời hạn theo Điều 72 Công Ước Viên, từ đó đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện pháp luật hợp đồng của Việt Nam.

2. Khái niệm và nguồn gốc của học thuyết Vi phạm hợp đồng trước thời hạn

Vi phạm hợp đồng có thể xảy ra trong hai trường hợp. Trường hợp thông thường mà chúng ta hay gặp là vi phạm thực tế (actual breach), tức là khi đã hết thời hạn thực hiện hợp đồng, một bên không thực

hiện đúng nghĩa vụ của mình, chẳng hạn như không giao hàng, không thanh toán, hoặc giao hàng không đúng chất lượng... Pháp luật hợp đồng của các nước hầu hết đều công nhận và điều chỉnh giống nhau đối với loại vi phạm này. Bên cạnh đó, có những trường hợp mà sau khi hợp đồng được giao kết, nếu có một tuyên bố rõ ràng từ phía một bên hoặc có cơ sở xác đáng để xác định một bên sẽ không thực hiện hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ; thì pháp luật của một số quốc gia và văn bản pháp lý quốc tế cho phép bên kia tuyên bố huỷ hợp đồng và đòi bồi thường thiệt hại ngay cả khi chưa đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ. Đây chính là quy định của thuyết Vi phạm hợp đồng trước thời hạn.

Thuyết Vi phạm hợp đồng trước khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ bắt nguồn ở Anh vào thế kỷ 19 từ vụ án nổi tiếng *Hochster v. De La Tour*⁽²⁾. Có thể tóm tắt vụ án như sau: Theo hợp đồng được ký kết giữa hai bên vào tháng 4 năm 1852, Hochster (Nguyên đơn) sẽ là hướng dẫn viên du lịch cho chuyến du dịch châu Âu kéo dài ba tháng của De La Tour (Bị đơn) bắt đầu từ ngày mồng 1 tháng 6. Tuy nhiên, vào ngày 11/5 Bị đơn đã viết thư gửi Nguyên đơn thông báo rằng họ đã thay đổi ý định và không cần đến dịch vụ này nữa. Bị đơn cũng từ chối trả cho Nguyên đơn bất kỳ khoản lương nào như đã thoả thuận. Nguyên đơn đã khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại do bên Bị đơn vi

⁽¹⁾ TS. Dương Anh Sơn, *Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc điều chỉnh bằng pháp luật đối với vi phạm hợp đồng khi chưa đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 4(216), 2016, p51-55. Xem tại: <http://thuviensoc.bvu.edu.vn/bitstream/TVDHBRVT/10372/2/000000CVv225S042006051.pdf> (truy cập ngày 15/2/2019)

⁽²⁾ *Hochster v De La Tour*. 118 Eng.Rep. 922 (Queen's Bench, 1853).

phạm hợp đồng, tuy nhiên Bị đơn cho rằng hợp đồng không thể bị coi là vi phạm trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ, tức là ngày 1/6. Theo lập luận của Bị đơn, Nguyên đơn có nghĩa vụ phải sẵn sàng thực hiện hợp đồng cho đến hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ, và sau thời điểm đó anh ta mới có thể khởi kiện đòi yêu cầu bồi thường do sự vi phạm hợp đồng của bên kia. Tòa án bác bỏ quan điểm này, cho rằng không có lí do gì mà bên Nguyên đơn phải chờ đợi vài tuần cho đến hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ mới được phép chấm dứt hợp đồng. Thẩm phán Lord Campbell đưa ra kết luận rằng khi một bên tuyên bố trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ rằng anh ta sẽ không thực hiện nghĩa vụ của mình thì bên kia có thể ngay lập tức chấm dứt hợp đồng và đòi bồi thường thiệt hại.

Phán quyết trong vụ án *Hochster* gây ra nhiều tranh cãi. Những tranh cãi này hầu như xoay quanh hậu quả pháp lý của học thuyết Vi phạm trước thời hạn, cho phép bên có nguy cơ bị vi phạm được huỷ hợp đồng và đòi yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu có. Đầu tiên, một số ý kiến cho rằng học thuyết này thiếu sự logic, không thể có sự vi phạm nghĩa vụ khi thời hạn thực hiện nghĩa vụ còn chưa đến và vi phạm trước thời hạn không phải là vi phạm xảy ra trên thực tế⁽³⁾. Những học giả phản đối học thuyết này cho rằng việc áp dụng nó sẽ không công bằng đối với bên bị suy đoán sẽ vi phạm nghĩa vụ, buộc anh ta phải chịu trách nhiệm cho những nghĩa vụ mà anh ta chưa buộc phải thực hiện⁽⁴⁾. Bên cạnh đó, một ý kiến khác cũng cho rằng việc cho phép bên có nguy cơ bị vi phạm huỷ hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ sẽ khiến cho việc tính toán thiệt hại trở

nên khó khăn, vì việc này yêu cầu Tòa án phải ước tính khoản thiệt hại mà phía nguyên đơn phải gánh chịu⁽⁵⁾. Mặc dù có những ý kiến trái chiều được đưa ra đối với phán quyết trong vụ án *Hochster*, nhưng phán quyết này đã trở thành án lệ áp dụng cho các vụ án có tính chất tương tự về sau ở Anh, ảnh hưởng đến cả pháp luật của Mỹ và các nước theo hệ thống thông luật. Ban đầu, pháp luật Anh, Mỹ chỉ áp dụng học thuyết này trong trường hợp một bên tuyên bố không thực hiện nghĩa vụ và chấm dứt hợp đồng khi chưa đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ. Tuy nhiên, thực tiễn pháp lý ngày càng phức tạp, có nhiều trường hợp mà trước khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ, mặc dù một bên không tuyên bố rõ, nhưng bên còn lại có đủ cơ sở để suy đoán về việc bên kia sẽ không thực hiện nghĩa vụ, thì học thuyết Vi phạm hợp đồng trước thời hạn cũng được áp dụng.

Trái ngược với các nước theo hệ thống luật Anh, Mỹ, ở các nước theo hệ thống luật dân luật, như Pháp, Đức... thì việc công nhận và áp dụng học thuyết Vi phạm trước thời hạn khá hạn chế. Ví dụ như Bộ luật Dân sự Pháp năm 1804 quy định rõ: một bên không thể yêu cầu bên kia thực hiện nghĩa vụ có kỳ hạn khi chưa đến kỳ hạn đó⁽⁶⁾. Như vậy, có thể hiểu rằng một

⁽³⁾ David W. Robertson, *The Doctrine of Anticipatory Breach of Contract*, 20 La. L. Rev. (1959). Xem tại: <https://digitalcommons.law.lsu.edu/lalrev/vol20/iss1/20> (truy cập ngày 15/2/2019)

⁽⁴⁾ David W. Robertson, *The Doctrine of Anticipatory Breach of Contract*, 20 La. L. Rev. (1959). Xem tại: <https://digitalcommons.law.lsu.edu/lalrev/vol20/iss1/20> (truy cập ngày 15/2/2019)

⁽⁵⁾ David W. Robertson, *The Doctrine of Anticipatory Breach of Contract*, 20 La. L. Rev. (1959). Xem tại: <https://digitalcommons.law.lsu.edu/lalrev/vol20/iss1/20> (truy cập ngày 15/2/2019)

bên không có quyền huỷ hợp đồng khi chưa đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ, kể cả việc suy đoán về sự vi phạm nghĩa vụ của bên còn lại là có căn cứ. Tuy nhiên, lại có ý kiến lại cho rằng một số nước dân luật công nhận loại vi phạm này một cách gián tiếp, mặc dù không quy định trực tiếp trong văn bản luật thành văn nhưng một số quy phạm pháp luật lại quy định khá giống với thuyết Vi phạm trước thời hạn⁽⁷⁾. Ở Pháp, quy định gần nhất với khái niệm Vi phạm trước thời hạn có thể tìm thấy là chế tài khi hợp đồng không được thực hiện (*exceptio non adimpleti contractus*) cho phép một bên từ chối thực hiện nghĩa vụ của mình cho đến khi bên kia thực hiện được nghĩa vụ tương ứng⁽⁸⁾. Hay ở Đức, pháp luật không quy định về khái niệm Vi phạm trước thời hạn nhưng loại vi phạm này khá giống với hành vi “Chủ động vi phạm” (*Positive Foerderungsverletzung*) được điều chỉnh bởi pháp luật nước này⁽⁹⁾.

3. Vi phạm trước thời hạn theo quy định của Công Ước Viên 1980

Công Ước Viên 1980 về Hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế quy định trực tiếp về Vi phạm trước thời hạn tại Điều 71 và 72. Hai điều này quy định cụ thể như sau:

Điều 71(1) CISG quy định: *Một bên có quyền tạm ngừng thực hiện nghĩa vụ nếu, sau thời điểm giao kết hợp đồng, có dấu hiệu rõ ràng rằng (i) bên kia sẽ không thực hiện một phần quan trọng nghĩa vụ của họ do hậu quả của việc mất khả năng thực hiện hợp đồng hoặc mất tín nhiệm của bên kia; hoặc (ii) hành vi của bên kia trong việc chuẩn bị thực hiện hoặc thực hiện hợp đồng.*

Điều 72(1) CISG quy định: *Nếu trước ngày quy định cho việc thực hiện hợp đồng mà thấy hiển nhiên rằng một bên sẽ gây ra một vi phạm cơ bản đến hợp đồng, bên kia*

có quyền tuyên bố huỷ hợp đồng.

Có những điểm khác nhau nhất định giữa Điều 71 và Điều 72 CISG:

Thứ nhất, trường hợp áp dụng. Điều 72 chỉ áp dụng trong trường hợp mà trước thời hạn thực hiện hợp đồng, một bên có căn cứ rõ ràng để biết được bên còn lại sẽ vi phạm hợp đồng, tức là vi phạm được xác định khi cả hai bên đều chưa bắt đầu thực hiện nghĩa vụ. Trong khi đó, Điều 71 áp dụng đối với cả vi phạm hợp đồng khi chưa đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ và cả vi phạm của một bên mà bên còn lại có căn cứ để suy đoán được sau khi hai bên đã thực hiện một phần nghĩa vụ của mình theo hợp đồng.

Thứ hai, mức độ “rõ ràng” của việc vi phạm hợp đồng sẽ xảy ra trong tương lai. Cần đánh giá sự “rõ ràng” trong các cụm từ *it becomes apparent* trong Điều 71 và *it is clear* trong Điều 72 trong văn bản gốc của Công Ước. Nhiều ý kiến cho rằng Điều 72 yêu cầu mức độ rõ ràng cao hơn so với Điều 71, sở dĩ vì hậu quả pháp lý quy định theo Điều 72 nặng nề hơn, đó là chế tài huỷ hợp đồng; trong khi đó chế tài đối với vi phạm trước thời hạn theo Điều 71 chỉ là một biện pháp tạm thời cho phép hai bên vẫn tiếp tục thực hiện hợp đồng sau khi các bên có sự đảm bảo về việc thực hiện nghĩa vụ của mình⁽¹⁰⁾. Sự rõ ràng được

⁽⁷⁾ BLDS Pháp năm 1804, Điều 1186.

⁽⁸⁾ Tatsiana Seliuzniova, *Prospective Non-Performance or Anticipatory Breach of Contract (Comparison of the Belarusian Approach to CISG Application and Foreign Legal Experience)*, 24 J.L. & Com. 111, 2004.

⁽⁹⁾ Peter Schlechtriem, *Uniform Sales Law: The UN-Convention on Contracts for the International Sale of Goods*, Manz, Vienna, 1986. Xem tại: <https://www.cisg.law.pace.edu/cisg/biblio/slechtriem.html> (truy cập ngày 16/2/2019)

⁽¹⁰⁾ Konrad Zweigert & Hein Kötz, *Introduction to Comparative Law*, 3rd ed., 1998.

đề cập ở Điều 71 và 72 không được hướng dẫn một cách cụ thể, tuy nhiên có thể tham khảo một số phán quyết của toà án để đánh giá mức độ rõ ràng này. Chẳng hạn, trong vụ án *Shoes case* năm 1992, toà án Đức tuyên bố rằng, để tuyên bố huỷ hợp đồng theo Điều 72 CISG, mức độ rõ ràng của việc vi phạm sẽ xảy ra phải rất cao nhưng ko nhất thiết phải có một sự rõ ràng tuyệt đối⁽¹¹⁾. Hơn nữa, dường như ý đồ của các nhà soạn thảo CISG cũng không yêu cầu phải có một sự rõ ràng tuyệt đối về việc một bên sẽ vi phạm hợp đồng khi đưa ra quy định tại Khoản 2, Điều 72 rằng, mặc dù có cơ sở xác đáng để cho rằng một bên sẽ vi phạm nghĩa vụ nhưng bên có ý định tuyên bố huỷ hợp đồng phải gửi thông báo cho bên kia một cách hợp lý để cho phép họ cung cấp những đảm bảo rằng họ sẽ thực hiện nghĩa vụ của mình. Thêm vào đó, Khoản 3 Điều này lại quy định nếu bên kia đã tuyên bố rằng họ sẽ không thực hiện nghĩa vụ của mình trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ thì bên bị vi phạm có quyền huỷ hợp đồng; ngay cả khi tuyên bố huỷ hợp đồng của một bên chưa chắc đã là một sự chắc chắn tuyệt đối vì vẫn có khả năng anh ta sẽ thay đổi ý định và quay lại thực hiện nghĩa vụ trước khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ. Một ví dụ điển hình về sự rõ ràng đối với vi phạm trước thời hạn của một bên là khi một bên tuyên bố rằng anh ta sẽ không thực hiện nghĩa vụ, giống như trong vụ án *Hochster* ở Anh. Hoặc trong một đồng mua bán hàng đặc định, trước thời hạn giao hàng đã thoả thuận, bên bán đã bán lô hàng cuối cùng đáng lẽ phải giao cho người mua cho một bên thứ ba. Khi

không còn hàng để giao cho bên mua thì việc vi phạm nghĩa vụ của bên bán là rõ ràng. Vi phạm trước hạn cũng được coi như là chắc chắn trong trường hợp khi một bên đang bên bờ vực phá sản và việc suy đoán anh ta không thể thực hiện nghĩa vụ thanh toán là hoàn toàn có cơ sở.

Thứ ba, mức độ của vi phạm. Điều 71 áp dụng khi một bên không thực hiện một phần quan trọng nghĩa vụ của mình, trong khi Điều 72 yêu cầu cao hơn về mức độ của vi phạm - vi phạm trước thời hạn mà một bên sẽ gây ra phải là vi phạm cơ bản. Điều 71 không có hướng dẫn cụ thể về tiêu chí xác định phần quan trọng nghĩa vụ bị vi phạm. Thực tiễn xét xử chỉ ra một số trường hợp cụ thể mà một bên được coi là không thực hiện một phần quan trọng nghĩa vụ của mình như người bán từ chối giao một số mặt hàng nhất định, người bán giao hàng không phù hợp với hợp đồng trong hợp đồng giao hàng từng phần, người mua không thanh toán đúng thời hạn, người mua không mở bảo lãnh ngân hàng...⁽¹²⁾ Tương tự, Điều 72 CISG cũng không chỉ rõ cách xác định vi phạm cơ bản đối với loại vi phạm trước thời hạn, do vậy, có thể áp dụng chung điều kiện để xác định vi phạm cơ bản trong cả trường hợp

⁽¹⁰⁾ Sieg Eiselen, *Remarks on the manner in which the UNIDROIT Principles of International Commercial Contracts may be used to interpret or supplement Articles 71 and 72 of the CISG, 2002*. Xem tại: <http://cisgw3.law.pace.edu/cisg/principles/uni71.72.html> (truy cập ngày 15/2/2019).

⁽¹¹⁾ Germany 30 September 1992 District Court Berlin (*Shoes case*), 99 O 123/92. Xem tại: <http://cisgw3.law.pace.edu/cases/920930g1.html>. (truy cập ngày 15/2/2019).

⁽¹²⁾ UNCITRAL, *Digest of Case Law on the United Nations Convention on Contracts for the International Sale of Goods*, 2012, pp332-333. Xem tại: <https://www.uncitral.org/pdf/english/clout/CISG-digest-2012-e.pdf> (truy cập ngày 16/2/2019).

vi phạm thực tế và vi phạm trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ. Theo đó, vi phạm cơ bản được quy định tại Điều 25 của Công Ước này đối với vi phạm thực tế như sau: *“Vi phạm hợp đồng của một bên được xem là vi phạm cơ bản nếu nó gây thiệt hại cho bên kia đáng kể đến mức làm cho bên kia không đạt được những gì mà họ có quyền mong đợi theo hợp đồng, trừ trường hợp bên vi phạm không thể tiên liệu và một người bình thường trong cùng hoàn cảnh cũng không thể tiên liệu hậu quả đó”*. Theo thực tiễn xét xử, vi phạm trước thời hạn được xem xét là vi phạm cơ bản theo điều 72 CISG trong một số vụ việc cụ thể như: người mua không mở thư tín dụng như đã thoả thuận, người bán không đảm bảo giao hàng đúng thời hạn đã thoả thuận; người bán cố tình không giao hàng...⁽¹³⁾

Tuy nhiên, trong một số trường hợp vi phạm trước của một bên lại không được coi là vi phạm cơ bản như người bán ngừng giao hàng nhưng đồng ý tiếp tục đàm phán, người mua không trả tiền một lần khi hợp đồng quy định thanh toán theo nhiều đợt⁽¹⁴⁾.

Thứ tư, nghĩa vụ thông báo. Điều 72(3) yêu cầu “Nếu có đủ thời gian, bên có ý định tuyên bố huỷ hợp đồng phải gửi một thông báo cho bên kia một cách hợp lý để cho họ cung cấp những đảm bảo đầy đủ rằng họ sẽ thực hiện hợp đồng”, trong khi đó Điều 71(3) yêu cầu bên ngừng thực hiện hợp đồng “phải thông báo ngay cho bên kia”. Nếu việc không thông báo kịp thời sẽ khiến bên có nghĩa vụ thông báo không được sử dụng quyền tạm ngừng thực hiện hợp đồng và bồi thường thiệt hại cho bên còn lại⁽¹⁵⁾.

Thứ năm, chế tài áp dụng cho vi phạm trước thời hạn. Điều 71 cho phép bên có

nguy cơ bị vi phạm tạm ngừng thực hiện hợp đồng, như vậy, hợp đồng vẫn có thể tiếp tục được thực hiện sau khi bên còn lại cung cấp được những đảm bảo đầy đủ cho việc thực hiện nghĩa vụ của họ; trong khi đó Điều 72 cho phép bên bị vi phạm áp dụng chế tài huỷ hợp đồng đối với Vi phạm trước thời hạn. Trong những trường hợp nhất định, một bên có thể lựa chọn áp dụng Điều 71 hoặc Điều 72 để thực hiện biện pháp chế tài mà anh ta mong muốn. Chẳng hạn, trước thời hạn thực hiện hợp đồng, có dấu hiệu cho thấy một bên sẽ vi phạm hợp đồng, bên còn lại vẫn muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng và chờ đợi tìm cách khắc phục vấn đề thì họ sẽ chọn áp dụng Điều 71 thay vì Điều 72 mặc dù họ hoàn toàn có quyền huỷ hợp đồng theo Điều 72 CISG.

Tóm lại, Công Ước Viên 1980 thừa nhận và đưa ra quy định cụ thể đối với Vi phạm trước thời hạn. Công Ước này đưa ra hai trường hợp vi phạm là “vi phạm một phần quan trọng nghĩa vụ và “vi phạm cơ bản”. Nếu có dấu hiệu rõ ràng cho thấy một bên sẽ vi phạm một phần quan trọng nghĩa vụ, thì bên còn lại có quyền tạm ngừng thực hiện hợp đồng sau khi đã gửi thông báo ngay lập tức về việc đó cho bên vi phạm; hợp đồng sẽ được tiếp tục thực hiện sau khi một đảm bảo thực hiện hợp đồng được bên này đưa ra. Bên cạnh đó, CISG cũng quy định nếu có dấu hiệu hiển

⁽¹³⁾ UNCITRAL, 2012 Digest of Case Law on the Model Law on International Commercial Arbitration. Xem tại: <http://www.uncitral.org/pdf/english/clou/MAL-digest-2012-e.pdf>. (truy cập ngày 16/2/2019).

⁽¹⁴⁾ UNCITRAL Digests 6,7 on CISG Art. 72, *ibid*.

⁽¹⁵⁾ Mercedes Azeredo da Silveira, *Anticipatory Breach under the United Nations Convention on Contracts for the International Sale of Goods*, 2005. Xem tại <http://cisgw3.law.pace.edu/cisg/bibliol/azeredo.html> (truy cập ngày 16/2/2019).

nhiên về việc một vi phạm cơ bản sẽ xảy ra trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ, thì bên có nguy cơ bị vi phạm có quyền tuyên bố huỷ hợp đồng, nếu có đủ thời giờ phải gửi thông báo cho bên kia. Như vậy, tùy vào từng trường hợp, vào mức độ của vi phạm sẽ xảy ra mà chúng ta sẽ xác định áp dụng chế tài nào khi có Vi phạm trước thời hạn.

4. Một số đề xuất cho Việt Nam

Trên thực tế nói chung, việc xem xét và nhận định một vi phạm chắc chắn sẽ xảy ra trong tương lai là một việc khá mơ hồ. Chúng ta khó có thể biết được chắc chắn trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ, một bên sẽ vi phạm nghĩa vụ của mình hay không trừ khi anh ta tuyên bố rõ ràng, và kể cả khi đã tuyên bố anh ta cũng có thể sẽ thay đổi ý định trước thời hạn thực hiện hợp đồng. Do vậy, pháp luật của một số nước, đặc biệt là các nước theo hệ thống dân luật, chỉ công nhận và điều chỉnh loại vi phạm hợp đồng thực tế, là vi phạm mà khi hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ, một bên không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của mình. Có thể thấy cho đến hiện tại, khái niệm vi phạm hợp đồng khi chưa đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ vẫn là một khoảng trống bỏ ngỏ trong các văn bản luật Việt Nam. Chúng ta không thể tìm thấy một quy định cụ thể và hoàn chỉnh nào về loại vi phạm này trong Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Thương mại năm 2005. Tuy nhiên, Điều 411, Bộ luật Dân sự năm 2015 có quy định khá giống với thuyết Vi phạm trước thời hạn và quy định tại Điều 71 CISG: *Bên phải thực hiện nghĩa vụ trước có quyền tạm ngừng thực hiện nghĩa vụ, nếu khả năng thực hiện nghĩa vụ của bên kia đã bị giảm sút*

ngghiêm trọng đến mức không thể thực hiện được nghĩa vụ như đã cam kết.

Như vậy, việc biết được bên kia không còn khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình có thể rơi vào thời điểm trước hoặc sau khi đến thời hạn thực nghĩa vụ (sau khi các bên đã thực hiện được một phần nghĩa vụ). Thêm vào đó, theo Điều 411, một bên có thể tạm ngừng thực hiện nghĩa vụ của mình nếu có nguy cơ bên còn lại sẽ không thực hiện đúng hợp đồng do *khả năng thực hiện nghĩa vụ của bên kia đã bị giảm sút nghiêm trọng*. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy có rất nhiều nguy cơ không thực hiện đúng hợp đồng mà không liên quan đến khả năng thực hiện nghĩa vụ của một bên mà do chính mong muốn chủ quan của họ, chẳng hạn một bên tuyên bố rõ ràng sẽ không thực hiện nghĩa vụ trong khi anh ta vẫn còn khả năng thực hiện nghĩa vụ. Hơn nữa, Điều 411, Bộ luật Dân sự năm 2015 chỉ cho bên bị hại áp dụng chế tài hoãn thực hiện hợp đồng khi có vi phạm trước thời hạn chứ không có quyền huỷ hợp đồng, nhưng trong nhiều trường hợp, việc hoãn thực hiện hợp đồng không mang lại công bằng cũng như lợi ích kinh tế chính đáng mà bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng. Ví dụ trong tranh chấp giữa công ty sản xuất bao bì (bên bán) và công ty Hà Thành (bên mua) về hợp đồng mua bán giấy Kraft làm vỏ bao xi măng⁽¹⁶⁾. Hai bên ký hợp đồng mua bán vào ngày 28/08/2003 và ký thêm Phụ lục hợp đồng vào ngày 15/4/2004 trong đó có thoả thuận “thời gian giao hàng trong vòng 2 tháng kể từ ngày 15/04/2004”. Để thực hiện nghĩa vụ giao hàng, bên bán đã nhập về 310,712 tấn

⁽¹⁶⁾ GS.TS. Đỗ Văn Đại, *Luật hợp đồng Việt Nam: Bản án và bình luận bản án*, Nxb Chính trị quốc gia, 2009, tr.605-619

giấy Kraft. Tuy nhiên, sau đó bên mua gửi công văn thông báo không thể tiêu thụ hết số giấy đó trong thời hạn hợp đồng. Do cho rằng bên mua không thể thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, bên bán đã ký hợp đồng với một bên thứ ba để bán lại lô giấy mà bên án đã ký hợp đồng bán cho bên mua. Bên mua sau đó đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu bên bán trả lại số tiền đặt cọc. Toà án cho rằng bên bán đã vi phạm Phụ lục hợp đồng, do bên bán đã bán lại số hàng đó cho bên thứ ba khi chưa hết thời hạn thực hiện hợp đồng. Việc căn cứ vào công văn thông báo không thể tiêu thụ hết số lượng giấy từ phía người mua để biện minh cho hành vi vi phạm của mình là không có cơ sở. Theo tác giả Đỗ Văn Đại, phán quyết của toà án tuy phù hợp pháp luật nhưng không thuyết phục, không công bằng đối với bên vi phạm. Việc không cho phép một bên huỷ hay chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ trong khi biết chắc bên kia sẽ không thực hiện hợp đồng là điều không hợp lý⁽¹⁷⁾.

Tóm lại, theo quan điểm của tác giả, việc công nhận Vi phạm trước thời hạn và quy định rõ về loại vi phạm này trong pháp luật hợp đồng Việt Nam là điều cần thiết, vì những lí do sau đây:

Thứ nhất, thực tiễn cho thấy các trường hợp vi phạm hợp đồng trước thời hạn diễn ra khá phổ biến. Ví dụ trong các tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hoá, hợp đồng mua bán nhà đất... Sau khi hai bên ký kết hợp đồng mua bán nhà và trước thời hạn giao nhà, do nhận thấy giá cả nhà đất trên thị trường đang có dấu hiệu tăng mạnh, người bán nhà tuyên bố không bán nhà nữa. Hay sau khi giao kết hợp đồng mua bán hàng hoá và trước thời hạn thanh toán, người bán

có đủ cơ sở để cho rằng người mua không có đủ năng lực tài chính để thực hiện nghĩa vụ thanh toán... Trong những trường hợp đó thì rõ ràng việc duy trì thực hiện hợp đồng đó là điều mà bên có nguy cơ bị vi phạm không mong muốn, do vừa mất thời gian chờ đợi, chi phí cơ hội và các thiệt hại phát sinh từ việc chờ đợi cho đến khi thời hạn thực hiện nghĩa vụ kết thúc mới huỷ hợp đồng.

Thứ hai, nếu áp dụng theo lý thuyết vi phạm hợp đồng hiện hành của Việt Nam, trong trường hợp đã có căn cứ xác đáng để cho rằng một bên sẽ không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình, nếu bên còn lại không có bất kỳ hành vi nào để khắc phục tình thế mà thụ động chờ đến khi hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ mới tuyên bố huỷ hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại thì việc này dường như mâu thuẫn nguyên tắc thiện chí trong việc thực hiện nghĩa vụ theo pháp luật hợp đồng Việt Nam. Tuy nhiên, kể cả khi đưa học thuyết Vi phạm trước thời hạn vào điều chỉnh trong Bộ luật Dân sự, Luật Thương mại hay bất cứ văn bản luật chuyên ngành nào khác, để đảm bảo nguyên tắc thiện chí trong thực hiện hợp đồng, nên quy định nghĩa vụ hạn chế thiệt hại đối bên có nguy cơ bị vi phạm. Bởi có những trường hợp mà chi phí ngăn chặn và hạn chế thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại mà bên có nguy cơ bị vi phạm phải gánh chịu, trong trường hợp đó, họ nên tìm cách để ngăn chặn và hạn chế thiệt hại hơn là ngay lập tức tuyên bố huỷ hợp đồng trên cơ sở chắc chắn về sự vi phạm nghĩa vụ trước thời hạn của bên còn lại.

⁽¹⁷⁾ GS.TS. Đỗ Văn Đại (2009), *Luật Hợp đồng Việt Nam: Bản án và bình luận bản án*. Nxb. Chính trị quốc gia, tr. 605-619.

Bên cạnh đó, việc quy định về Vi phạm trước thời hạn của của một bên phải có căn cứ và cơ sở xác đáng, và đó phải là nguy cơ vi phạm cơ bản. Một suy đoán mơ hồ về một vi phạm nghĩa vụ trong tương lai hay sự chắc chắn về một vi phạm nghĩa vụ sẽ xảy ra nhưng vi phạm đó chỉ là vi phạm thứ yếu thì bên có nguy cơ bị vi phạm sẽ không được phép tuyên bố huỷ hợp đồng trước thời hạn. Bởi, chế tài huỷ hợp đồng chỉ được áp dụng khi có sự vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng.

Hơn thế nữa, sự điều chỉnh trực tiếp của Công Ước Viên đối với Vi phạm trước thời hạn cũng đã “bật đèn xanh” cho việc công nhận và đưa loại vi phạm này vào pháp luật hợp đồng Việt Nam để trực tiếp điều chỉnh. Là một điều ước quốc tế được áp dụng rộng rãi với hơn 80 quốc gia thành viên, Công Ước Viên được xem là sự kết hợp hài hoà giữa hệ thống pháp luật Anh Mỹ và hệ thống châu Âu lục địa trong lĩnh vực mua bán hàng hoá. Với việc ký kết tham gia Công Ước Viên và không bảo lưu Điều 72, Việt Nam đã chấp nhận ưu tiên áp dụng các quy định của Công Ước này về Vi phạm trước thời hạn đối với những hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế mà luật áp dụng cho hợp đồng là Công Ước Viên 1980. Do đó, việc đồng nhất các quy định của Công Ước Viên nói chung và Điều 72 nói riêng với các quy định của pháp luật hợp đồng Việt Nam là điều cần thiết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Dân sự Pháp 1804.
2. Công Ước Viên 1980 về Hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế.

3. Konrad Zweigert & Hein Kotz, *Introduction to Comparative Law*, 3rd ed., 1998.

4. GS.TS. Đỗ Văn Đại (2009), *Luật Hợp đồng Việt Nam: Bản án và bình luận bản án*, Nxb. Chính trị quốc gia.

5. TS. Dương Anh Sơn (2016), *Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc điều chỉnh bằng pháp luật đối với vi phạm hợp đồng khi chưa đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 4(216).

6. Peter Schlechtriem (1986), *Uniform Sales Law: The UN Convention on Contracts for the International Sale of Goods*, Manz, Vienna.

7. Konrad Zweigert & Hein Kotz, *Introduction to Comparative Law*, 3rd ed., 1998.

8. UNCITRAL, *Digest of Case Law on the United Nations Convention on Contracts for the International Sale of Goods*, 2012.

9. David W. Robertson (1959), *The Doctrine of Anticipatory Breach of Contract*, Louisiana Law Review, Vol.20.

10. Mercedes Azeredo da Silveira (2005), *Anticipatory Breach under the United Nations Convention on Contracts for the International Sale of Goods*.

11. Siegfried Eiselen (2002), Remarks on the manner in which the UNIDROIT Principles of International Commercial Contracts may be used to interpret or supplement Articles 71 and 72 of the CISG.

12. Tatsiana Seliazniova (2004), *Prospective Non-Performance or Anticipatory Breach of Contract (Comparison of the Belarusian Approach to CISG Application and Foreign Legal Experience)*, 24 J.L. & Com. 111.